TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 35/2018/DS -ST
Ngày 31 - 5 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lã Phi Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Hà
2. Ông Phạm Văn Phong

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/ 2018/ TLST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/ 2018/ QĐXX - ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST - DS ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1968
HKTT: Thôn P, xã P, huyện X, Thành phố Hà Nội.

** Đồng bị đơn:*
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1964

Hộ khẩu thường trú và trú tại: Tiểu T, thị M, huyện X, Thành phố Hà Nội.

- Anh Phùng Văn H, sinh năm 1960

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 13/8, đường Đ, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Cư trú: Tiểu T, thị trấn M, huyện X, Thành phố Hà Nội.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

HKTT: Thôn P, xã P, huyện X, Thành phố Hà Nội. (Chị H ủy quyền cho anh T)

Anh T có mặt; chị H vắng mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đòi nợ anh Nguyễn Xuân T và những lời khai tại tòa anh Tùng trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H, ở tiểu khu Phú T, thị trấn Phú M, huyện X, Thành phố Hà Nội có mở cửa hàng vàng bạc kinh doanh. Nên ngày 17/5/2011 anh T có cho chị H vay 07 chỉ vàng (vàng dây + nhẫn), lãi xuất 10.000 đồng/01 chỉ/01 tháng, kỳ hạn 12 tháng, được thể hiện trên hóa đơn bảo đảm vàng có chữ ký của chị H và dấu của Công ty cổ phần vàng bạc đá quý H H. Anh T đã nhiều lần đến gặp chị H, yêu cầu chị H trả nợ, nhưng chị H không trả số vàng đã vay mà có ý thức trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến nay đã hơn 06 năm, nên anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H, anh H phải trả 07 chỉ vàng, còn số lãi anh T không yêu cầu vợ chồng chị H, anh H phải trả. Số vàng mà anh T cho chị H vay là vàng của vợ chồng anh T.

Hồ sơ thể hiện:

Chị H trình bầy: Ngày 17/5/2011 chị H có vay của anh T 07 chỉ vàng (vàng dây + nhẫn), lãi suất 10.000đồng/01 chỉ/01 tháng, kỳ hạn 12 tháng, được thể hiện trên hóa đơn đảm bảo vàng, có chữ ký của chị H và đóng dấu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý H H. Sau khi chị H vay được số vàng trên, chị H lại cho chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, ở thôn M, xã N, huyện X, Thành phố Hà Nội vay. Do chị C đã lừa đảo vợ chồng chị H, nên vợ chồng chị H không có khả năng trả được số vàng vay của anh T. Nay anh T yêu cầu vợ chồng chị H phải trả 07 chỉ vàng (vàng dây + nhẫn), chị H sẽ có trách nhiệm trả anh T.

Anh Phùng Văn H trình bầy: Việc chị Nguyễn Thị H (vợ anh) nhận vay, gửi vàng của anh Nguyễn Xuân T, là cá nhân chị H, khi vay chị H vay không bàn bạc thống nhất với anh, nên anh không liên quan gì kể cả về mặt cá nhân cũng như Công ty. Toàn bộ số vàng chị H đã vay của anh T đã bị chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, địa chỉ thôn M, xã N, huyện X, Thành phố Hà Nội chiếm đoạt toàn bộ, nên chị H là người có trách nhiệm trả nợ cho anh T.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H phải trả cho anh T 07 chỉ vàng.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng; đồng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H phải trả cho anh Nguyễn Xuân T 07 chỉ vàng (vàng dây + nhẫn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

Việc chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, anh Phùng Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện đòi vàng giữa nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T và đồng bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Về nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện: Anh Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H phải trả 07 chỉ vàng (vàng dây + nhẫn).

Xét yêu cầu khởi kiện của anh T và các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án thu thập, thì có căn cứ xác định chị H đã vay của anh T 07 chỉ vàng (vàng dây + nhẫn) vào ngày 17/5/2011. Việc vay vàng trên giữa các bên được thể hiện trên hóa đơn đảm bảo vàng, có chữ ký của chị H làm căn cứ là đúng. Các bên đều thừa nhận là đúng số vàng cho nhau vay và chữ ký của mình là đúng, không có tranh chấp gì về số vàng vay.

Về người trả nợ: Trong khi anh T yêu cầu cả hai vợ chồng chị H, anh H cùng trả, thì chị H, anh H lại thống nhất chỉ chấp nhận để chị H trả với lý do, chị H mới là người đứng ra vay, anh H không liên quan gì.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không chấp nhận lý do này của chị H, anh H vì:

Thứ nhất: Quan hệ giữa anh H, chị H là quan hệ vợ chồng, mà theo quy định Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì "Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất" và "Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung bằng công sức của mỗi người; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung", cho nên số vàng dù là chị H hay anh H vay của nguyên đơn phải được coi là tài sản chung của vợ chồng và đương nhiên khi có công nợ phát sinh, thì nghĩa vụ trả nợ cũng là nghĩa vụ chung của vợ chồng, hơn nữa chị H xác nhận, sau khi vợ chồng chị vay được số vàng trên, chị lại cho chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979, ở thôn M, xã N, huyện X, Thành phố Hà Nội vay để lấy lãi suất chênh lệnh phục vụ mục đích làm ăn kinh tế gia đình.

Thứ hai: Chị H còn sử dụng "Hóa đơn đảm bảo vàng" của Công ty vàng bạc đá quý H H để làm giấy biên nhận gửi vàng, phía anh H, chị H đều xác nhận, đây là giao dịch mang tính cá nhân do chị H tự thực hiện chứ không sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty do anh H là người đại diện theo pháp luật, bởi Công ty của anh H không có chức năng nhận gửi hoặc vay tiền, vàng. Qua xem xét đăng ký kinh doanh của Công ty, thấy Công ty vàng bạc đá quý H H, đúng là không có chức năng gửi hoặc cho vay tiền, vàng. Phía nguyên đơn cũng

xác nhận đem vàng gửi là gửi cá nhân chứ không gửi cho Công ty nào. Nên về mặt pháp luật, Tòa chỉ xem đây là giao dịch giữa các cá nhân với nhau.

Từ những lý do trên nên buộc cả chị H và anh H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh T 07 chỉ vàng . Tại thị trường Hà Nội, theo giá mua vào được đăng trên VOH điện tử Thành phố Hồ Chí Minh số ra ngày 31/5/2018; 01 chỉ vàng 99,99 có giá 3.655.000 đồng x 07 chỉ = 25.585.000 đồng.

Đối với số tiền lãi từ khi anh T cho chị H vay cho đến nay, do phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do chị H, anh H hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có đơn xin miễn, giảm án phí , nên giảm ½ án phí dân sự sơ thẩm cho chị H và anh H.

Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T được pháp luật bảo vệ, nên anh Tùng không phải chị án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho anh Nguyễn Xuân Tùng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T đối với chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H có trách nhiệm trả anh Nguyễn Xuân T 07 chỉ vàng (vàng dây + nhẫn), trị giá tương đương 25.585.000 đồng *(Hai mươi năm triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng).*

Kể từ ngày các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thanh toán số tiền phải thanh toán, thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn H phải chịu 639.625 đồng *(Sáu trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm hai năm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 635.000 đồng *(Sáu trăm ba mươi năm nghìn đồng),* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2010/0004978 ngày 23/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố;
- VKSND Thành phố, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

" Đã ký"

Lã Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**